

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/ 2023/ DS-PT
Ngày: 27 – 4 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 314/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2023/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Dương Vĩ L, sinh năm 1972; Cư trú: Khu phố C, phường T, thị xã H, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn G, sinh năm 1964; Cư trú: Khu phố L, phường H, thị xã H, Bình Định. (theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2021, có mặt).

- **Bị đơn:** 1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1966 (có mặt)

2. Bà Trịnh Thị Thanh X, sinh năm 1969 (có mặt)

3. Chị Lê Thị Mỹ Tr, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng cư trú: Khu phố Ph, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- **Người kháng cáo:** Ông Dương Vĩ L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lý Văn G đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Chị Lê Thị Mỹ Tr có mượn của ông L 02 lần tiền, tổng cộng là 650.000.000 đồng, sau đó, chị Tr không trả nợ. Ngày 14/01/2018, vợ chồng ông Lê Văn M, bà Trịnh Thị Thanh X có viết giấy bảo đảm và cam kết sẽ trả nợ cho chị Tr. Tổng cộng sau khi cam kết, vợ chồng ông M, bà X đã trả được 140.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ lại 510.000.000 đồng. Ông L đã nhiều lần yêu cầu nhưng cả chị Tr, vợ chồng ông M bà X không trả nợ. Nay ông L yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị Tr, vợ chồng ông M, bà X phải cùng có trách nhiệm trả cho ông L số tiền gốc 510.000.000 đồng và trả lãi suất quá hạn theo mức lãi suất là 20% đối với khoản tiền gốc này từ tháng 8/2018 cho đến thời điểm xét xử. Vì trước kia hai bên thực hiện hợp đồng vay mượn có tính lãi suất.

Việc ông M, bà X cho rằng ông L cho người ép viết giấy trả nợ ngày 14/01/2018 là không đúng mà đây là sự tự nguyện của ông M và bà X cùng thống nhất trả nợ cho chị Tr. Vì khi chị Tr mượn tiền của ông L thì có nói rằng mượn để đáo hạn và phục vụ cho gia đình.

Bị đơn chị Lê Thị Mỹ Tr trình bày:

Chị thừa nhận hiện nay còn nợ của ông Dương Vĩ L số tiền 510.000.000 đồng. Vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị chưa trả được nợ cho ông L. Vì đây là số tiền chị vay mượn của ông L để làm ăn, không liên quan đến cha mẹ chị là ông M và bà X. Nay ông L yêu cầu trả nợ, chị đồng ý sẽ trả nợ cho ông L. Không đồng ý yêu cầu của ông L buộc cha mẹ chị phải cùng trả nợ, vì đây là khoản nợ riêng của chị với ông L. Chị không đồng ý đối với yêu cầu lãi của nguyên đơn, vì trước kia nguyên đơn tính lãi suất rất cao và chị đã không đủ khả năng trả nợ.

Bị đơn vợ chồng ông Lê Văn M bà Trịnh Thị Thanh X thống nhất trình bày:

Việc con gái của vợ chồng ông là chị Tr vay mượn tiền của ông L, vợ chồng ông không biết. Khi chị Tr không trả được nợ, thì ông L cho người đến nhà gây áp lực kéo dài từ ngày 05/01/2018 đến ngày 14/01/2018, gây căng thẳng tinh thần cho gia đình ông. Vì lúc đó thương con và lo cho sự an toàn của gia đình, nên vợ chồng ông mới viết giấy bảo đảm vào ngày 14/01/2018, trong đó có hứa trả nợ cùng với chị Tr, sau đó vợ chồng ông có trả cho ông L số tiền tổng cộng 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế thì vợ chồng ông không biết và không liên quan đến khoản tiền này. Do vậy, nay vợ chồng ông không đồng ý trả nợ thay cho chị Tr. Mọi việc chị Tr vay mượn với ông L thì chị Tr tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Vợ chồng ông có phản tố yêu cầu hủy hợp đồng bảo đảm lập ngày 14/01/2018, vì đó là văn bản lập do có sự ép buộc. Sau này vợ chồng ông đã rút yêu cầu phản tố, nay vợ chồng ông vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu này.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 314/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vĩ L. Buộc chị Lê Thị Mỹ Tr phải trả ông Dương Vĩ L số tiền nợ gốc 510.000.000 đồng và 312.594.600 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 822.594.600 đồng (tám trăm hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Vĩ L buộc vợ chồng ông Lê Văn M bà Trịnh Thị Thanh X phải liên đới trả nợ với chị Lê Thị Mỹ Tr.

3. Đình chỉ yêu cầu phân tố của ông Lê Văn M bà Trịnh Thị Thanh X.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/9/2022 nguyên đơn ông Dương Vĩ L kháng cáo buộc vợ chồng ông M, bà X, chị Tr phải liên đới cùng trả số nợ gốc 510.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 01/8/2018 với mức lãi suất trong hạn 20%/năm và quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Lê thị Mỹ Tr nhưng chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì xét xử vắng mặt chị Tr.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Dương Vĩ L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm có đủ cơ sở xác định trong năm 2017 chị Tr có mượn ông L 02 lần với tổng số tiền 650.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 08/12/2017 mượn 300.000.000 đồng, ngày 19/12/2017 mượn 350.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2017 chị Tr có viết giấy cam đoan đến ngày 27/12/2017 trả 650.000.000 đồng cho ông L. Ngày 14/01/2018, vợ chồng ông M bà X (là cha mẹ ruột của của chị Tr) có viết giấy bảo đảm sẽ cùng với chị Tr trả nợ cho ông L. Sau khi cam kết, từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018, ông M, bà X đã trả cho ông L được 07 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 140.000.000 đồng. Hiện nay, còn nợ ông L là 510.000.000 đồng.

Giấy cam kết trả nợ của chị Tr ngày 23/12/2017 có ghi mục đích vay tiền dùng đáo hạn cho khách hàng của chị Tr nên việc vay mượn của chị Tr nhằm mục đích làm ăn riêng, không liên quan đến vợ chồng ông M, bà X.

[2.2] Xét giấy bảo đảm do vợ chồng ông M bà X viết ngày 14/01/2018 chỉ có vợ chồng ông M, bà X và ông L ký vào giấy bảo đảm, chị Tr không ký vào giấy bảo đảm. Như vậy việc trả nợ thay của ông M bà X chưa có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ là chị Tr nên nghĩa vụ trả nợ chưa được chuyển giao cho vợ chồng ông M bà X theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung và hình thức của giấy cam kết ngày 14/01/2018 thì đây cũng không phải là hình thức bảo lãnh theo quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015 vì ông M, bà X hứa sẽ cùng với chị Tr làm ăn trả nợ chứ không phải ông M, bà X là người bảo lãnh sẽ trả khoản nợ của chị Tr khi chị Tr không có khả năng trả nợ và chị Tr

cũng không có ký vào giấy này với tư cách là bên được bảo lãnh. Trong trường hợp này giấy cam kết ngày 14/01/2018 chỉ là lời hứa và sự tự nguyện của vợ chồng ông M bà X vì thương con sẽ trả nợ cho chị Tr tại thời điểm ông M bà X có điều kiện trả nợ. Do đó giấy cam kết không bắt buộc vợ chồng ông M bà X phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Tr, hiện nay vợ chồng ông M bà X không còn điều kiện trả nợ nên ông M bà X không tiếp tục tự nguyện trả nợ thay cho chị Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L buộc vợ chồng ông M bà X phải liên đới trả nợ cho chị Tr.

[2.3] Về tiền lãi phải trả: Do các giấy mượn tiền và giấy cam kết có ghi thời hạn trả nợ là ngày 27/12/2017 nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu, tuy nhiên các bên đều thừa nhận là vay có lãi, trong quá trình giải quyết vụ án ông L yêu cầu trả lãi từ ngày 01/8/2018 với mức lãi suất trong hạn 20%/năm và quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng chị Tr không đồng ý mức lãi suất của ông L yêu cầu. Do có tranh chấp về lãi suất, nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm tại thời điểm trả nợ và căn cứ theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử. Cụ thể: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 510.000.000 đồng x 10%/năm x 150% x 04 năm 01 tháng 14 ngày = 315.373.800 đồng. Do đó, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất trong hạn 20%/năm và quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông Dương Vĩ L là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Dương Vĩ L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000284 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (đã nộp xong).

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 335, 370, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Vĩ L. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 314/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Vĩ L. Buộc chị Lê Thị Mỹ Tr phải trả ông Dương Vĩ L số tiền nợ gốc 510.000.000 đồng và lãi 315.373.800 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 825.373.800 đồng (tám trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Vĩ L buộc vợ chồng ông Lê Văn M bà Trịnh Thị Thanh X phải liên đới trả nợ với chị Lê Thị Mỹ Tr.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Vĩ L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000284 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (đã nộp xong)

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng